

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HS-ST

Ngày: 20/12/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thiết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Dẫn Lý.

Ông: Nguyễn Văn Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:** Ông Triệu Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2021/TLST- HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

**Đỗ Đăng T**, sinh năm 2001 tại xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: thôn 1 xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; văn hóa 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Đăng T, sinh năm 1973 và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1977. Vợ, con: Chưa có.

Theo danh bản, chỉ bản số 250 lập ngày 05/10/2021, tại công an huyện TT thì bị cáo không có tiền án tiền sự:

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2021 đến ngày 05/10/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**Người bị hại:**

- Chị Bùi Thị L, sinh năm 2000, trú tại xóm YT, xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại Thôn 01, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

**Nhân chứng:**

- Chị Lý Mạ X, sinh năm 1999, trú tại xã TL, huyện MT, tỉnh Lai Châu.  
Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1998, trú tại xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội.  
Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 2002 trú tại Xóm 8, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam và Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 2000, trú tại xã PC, huyện QO, thành phố Hà Nội. (đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Đăng T và chị Bùi Thị L quen biết nhau từ khoảng tháng 5/2021. Khoảng 20 giờ ngày 23/9/2021, T đến phòng thuê trọ 708 của chị L và chị X tại nhà trọ MC ở thôn 1, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội để chơi rồi ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, chị X cho T mượn máy điện thoại để chơi game rồi cùng chị L nằm ngủ. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/9/2021, anh Trần Tuấn A (là bạn của T) khi đó đang ngồi chơi với chị Phạm Thị Hồng N tại phòng trọ 607 của nhà trọ MC. Tuấn A nhắn tin rủ T ra nhà nghỉ ngủ, T đồng ý rồi để chiếc điện thoại của chị X ở trên giường. Lúc này, T thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, số Imei: 359173733551875 của chị L đang để ở giường cạnh vị trí chị L đang nằm ngủ. Thấy chị L và chị X vẫn đang ngủ say nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên mang đi bán lấy tiền tiêu xài. T lấy điện thoại tháo sim của chị L ra để trên bàn uống nước trong phòng rồi cầm điện thoại trên tay mở chốt cửa phòng trọ đi xuống tầng 6 thì gặp Tuấn A. Sau đó, T chở Tuấn A bằng xe máy điện của Tuấn A đến nhà trọ 54 ở thôn 1, xã TH, huyện TT thuê phòng 508 để ngủ. Tại đây Tuấn A gọi Hoàng Văn Đ đến ngủ cùng. Khoảng 20 phút sau, Đ đi xe máy đến rồi cùng T, Tuấn A ngủ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/9/2021, T ngủ dậy rồi mượn xe máy của Đ mang chiếc điện thoại của chị L đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “TT” của anh Nguyễn Văn T ở thôn 1, xã TH, huyện TT bán cho anh T với giá 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*). T đã tiêu xài cá nhân hết 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Sau khi phát hiện bị mất trộm, chị L đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 25/9/2021 T đến công an xã TH, huyện TT đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp lại số tiền 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*).

**\* Tang vật thu giữ:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng: 128Gb, số Imei: 359173733551875, đã qua sử dụng và số tiền: 18.000.000đ. (mười tám triệu đồng).

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng: 128Gb, số Imei: 359173733551875 đã qua sử dụng có giá trị là 23.500.000đ (hai ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với anh Nguyễn Văn T khi mua chiếc điện thoại trên, bị cáo T đã bỏ mật khẩu khóa máy và thoát iCloud để sử dụng được bình thường. Ý thức chủ quan của anh T khi mua không biết chiếc điện thoại bị cáo T đem đến bán là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Văn T là phù hợp.

- Đối với Hoàng Văn Đ và Trần Tuấn A: Quá trình T lấy trộm điện thoại thì Đ, Tuấn A đều không biết và cũng không bàn bạc gì trước đó, cũng không có hành vi giúp sức, đồng phạm gì nên Cơ quan điều tra không xử lý.

#### **Về xử lý vật chứng:**

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng: 128Gb, số Imei: 359173733551875, đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an huyện TT đã trao trả cho chị Bùi Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

- Số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) T giao nộp cho cơ quan công an khi lên đầu thú, Cơ quan CSĐT Công an huyện TT đã trao trả cho anh Nguyễn Văn T.

#### **Về dân sự:**

- Chị Bùi Thị L đã nhận lại điện thoại và anh Nguyễn Văn T đã nhận đủ số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), đều không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKS-TT ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Đăng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Đăng T với mức án tù từ 9 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo không có ý kiến gì với bản luận tội của Viện Kiểm sát, không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau phù hợp với tang vật thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do quen biết nhau từ trước sau khi bị cáo đến phòng trọ của chị L chơi, do cần tiền tiêu sài nên lợi dụng lúc đêm khuya khi chị L đang ngủ say bị cáo đã lẻn lút lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng: 128Gb, số Imei: 359173733551875, đã qua sử dụng của chị L có trị giá là 23.500.000đ (hai ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Với hành vi trên của bị cáo đã thực hiện thì bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đã truy tố bị cáo là hoàn toàn chính xác đúng pháp luật.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Đại diện Viện Kiểm sát đã phân tích đánh giá. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú cùng gia đình giám sát giáo dục tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện sớm trở thành công dân tốt.

- Đối với anh Nguyễn Văn T khi mua chiếc điện thoại trên không biết điện thoại bị cáo bán là do trộm cắp mà có và Hoàng Văn Đ cùng anh Trần Tuấn A quá trình bị cáo lấy trộm điện thoại đều không biết và cũng không bàn bạc gì trước đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng không xét .

### ***Về trách nhiệm dân sự:***

- Chị Bùi Thị L đã nhận lại điện thoại và anh Nguyễn Văn T đã nhận đủ số tiền 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng*), đều không có yêu cầu đề nghị gì khác. nên Hội đồng không đề cập.

### ***Về vật chứng:***

- 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng và số tiền 18.000.000đ. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại và người có quyền lợi liên quan nên Hội đồng không xét.

### ***Về hình phạt bổ sung;***

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 thì: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Xét hoàn cảnh của bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên Hội đồng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

***Về án phí:*** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) đồng án phí Hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### ***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Đăng T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

### ***1. Về hình phạt:***

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đỗ Đăng T 9 (chín)** tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

### ***2. Về án phí:***

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

### **3. Về quyền kháng cáo:**

Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Công an huyện TT;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THA dân sự huyện TT;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã CN, huyện TT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hồng Thiết**

